

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Kế toán
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Kế toán (Accounting)
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung
Khóa : 2021 – 2025

(Ban hành theo quyết định số 2643/QĐ-ĐHHS ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2025

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình ngành Kế toán đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể chương trình đào tạo ngành Kế toán hệ Đại học thể hiện các mục tiêu chung của giáo dục như sau:

1. Kiến thức cơ sở – Nắm vững kiến thức và kỹ năng chung về các hoạt động kinh tế.
2. Kiến thức chuyên ngành – Nắm vững kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành kế toán – kiểm toán
3. Đạo đức – Nhận ra khía cạnh đạo đức trong kinh doanh và trong hoạt động kế toán – kiểm toán
4. Giải quyết vấn đề – Có khả năng đưa ra những giải pháp phù hợp cho những vấn đề kinh doanh và trong hoạt động kế toán – kiểm toán dựa trên phân tích dữ liệu và đánh giá các phương án

1.2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Kế toán (bậc Đại học), sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo bởi Hội đồng kiểm định các trường và Chương trình đào tạo về kinh doanh của Mỹ (tổ chức ACBSP) như sau:

❖ Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

1. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán: Phải thực hiện công việc kế toán, kiểm toán theo những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn đã quy định trong chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, quy định của Hội nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Tuân thủ nội quy, kỷ luật của doanh nghiệp và pháp luật nhà nước.

❖ Năng lực chuyên môn

1. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán – kiểm toán, tài chính doanh nghiệp và thuế.
2. Phân tích và xử lý hiệu quả các công việc chuyên môn như: ghi chép kế toán; lập và phân tích báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, tham gia với vai trò trợ lý kiểm toán để thu thập và phân tích thông tin.
3. Hiểu các quy trình kinh doanh cơ bản, vận dụng để đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển các chính sách và thủ tục xử lý các hoạt động trong từng quy trình
4. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn
5. Hoàn thành hoạt động trải nghiệm và có đóng góp vào công việc kế toán thực tiễn tại doanh nghiệp.

❖ **Khả năng hội nhập và học tập suốt đời**

1. Có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
2. Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm một cách hiệu quả và có trách nhiệm.
3. Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ B1.
4. Có nhận thức và kỹ năng tự học cao để tiếp cận những kiến thức mới phù hợp với nghề nghiệp và sự phát triển của xã hội
5. Có khả năng tham gia vào các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng, kiến thức tiên tiến trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.

❖ **Cơ hội nghề nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán làm việc tại các vị trí sau:

- Kế toán viên, kế toán cao cấp, chuyên viên tài chính tại các Công ty và Tập đoàn
- Trợ lý kiểm toán độc lập tại các Công ty kiểm toán
- Trợ lý kiểm toán nhà nước
- Kiểm soát viên nội bộ tại Bộ phận kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp
- Tư vấn viên về kế toán, kiểm toán và hệ thống thông tin kế toán tại các Công ty kiểm toán và tư vấn.

– Chuyên viên thuế vụ tại các cơ quan thuế

– Kế toán viên tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng

Sau một thời gian làm việc theo quy định hiện hành, sinh viên có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như:

- Kế toán trưởng (Chief Accountant)
- Giám sát tài chính (Financial Executive)
- Quản lý tài chính (Financial Controller)
- Giám đốc tài chính (Financial Manager / Chief Financial Officer)
- Kiểm toán viên độc lập (Independent Auditor)
- Kiểm toán viên nhà nước

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết)

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp

a. Trình độ ngoại ngữ

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ BGH ngày 05/11/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Kế toán của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm :

Stt	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2. Khoa học xã hội

– Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng				45	3	

– Tự chọn (6 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC115DV01	Phương pháp học Đại học	Study Skills in Higher Education	45	3	
2	DC119DV02	Giới và Phát triển tại Việt Nam	Gender and Development in Vietnam	45	3	
3	DC120DV02	Con người và Môi trường	Human and the Environment	45	3	
4	DC121DV02	Triết học trong cuộc sống	Philosophy in Practice	45	3	
5	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skill	45	3	
6	DC132DV01	Kỹ năng truyền thông	Communication Skills	45	3	
7	DC145DV01	Công tác xã hội nhập môn	Introduction to Social Work	45	3	
8	DC201DV01	Đạo đức nghề nghiệp	Professional Ethics	45	3	
9	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
10	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
11	DC205DV02	Truyền thông đại chúng và xã hội	Mass Communication and Social Issues	45	3	
12	DC208DV02	Giao tiếp liên Văn hoá	Intercultural Communication	45	3	
13	PSY107DV01	Tâm lý học: Khái niệm và ứng dụng	Introduction to Psychology	45	3	
14	DC149DV01	Xử lý khủng hoảng	Crisis Management	45	3	
15	DC155DV01	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	Cyber Security and Data Privacy Law	45	3	
Cộng				90	6	

7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4. Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	105	5	
2	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
3	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng				315	15	

7.1.5. Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6. Giáo dục quốc phòng-An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP-An ninh

7.1.7. Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 tín chỉ

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT106DV02	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	
2	QT101DV01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	
3	QT102DV01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	
4	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
5	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	45	3	
6	MIS102DV01	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	45	3	
7	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	45	3	
8	NS207DV02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	
9	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	45	3	
10	TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	
11	QT115DV01	Luật và đạo đức kinh doanh	Business Laws & Ethics	45	3	
12	KHTQ113DV01	Thống kê trong kinh doanh	Business Statistics	45	3	
13	TC201DV02	Tài chính tiền tệ	Monetary and Finance	45	3	
Cộng				585	39	

7.2.2. Kiến thức ngành chính

– Bắt buộc (33 tín chỉ):

Chuyên ngành Kế toán

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT211DV03	Kế toán tài chính Việt Nam 1	Vietnamese Financial Accounting 1	45	3	
2	KT212DV02	Thuế	Taxation	45	3	
3	KT301DV02	Kế toán quản trị chi phí	Cost Accounting	45	3	
4	KT302DV01	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	45	3	
5	KT303DV01	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	45	3	
6	KT304DV03	Kế toán tài chính Việt Nam 2	Vietnamese Financial Accounting 2	60	3	
7	KT307DE01	Phần mềm kế toán	Accounting Software	45	3	
8	KT309DE02	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo 1	Auditing and Assurance 1	45	3	
9	KT313DE02	Kế toán quốc tế 1	International Accounting 1 (Intermediate Accounting)	60	3	
10	KT407DV04	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	45	3	
11	KT408DE02	Kế toán quốc tế 2	International Accounting 2 (Intermediate Accounting)	60	3	
Cộng				540	33	

Chuyên ngành Kế toán - kiểm toán

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT210DE01	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1 (Intermediate Accounting 1)	45	3	
2	KT212DE01	Thuế	Taxation	45	3	
3	KT303DE01	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	60	3	
4	KT305DE02	Thông tin chi phí ra quyết định	Cost Information for Decision Making	60	3	
5	KT307DE01	Phần mềm kế toán	Accounting Software	45	3	
6	KT308DE02	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2 (Intermediate Accounting 2)	60	3	
7	KT309DE02	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo 1	Auditing and Assurance 1	45	3	

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
8	KT310DE01	Kế toán quản trị và ra quyết định 1	Management Accounting and Decisions 1	45	3	
9	KT314DE01	Kế toán quản trị và ra quyết định 2	Management Accounting and Decisions 2	45	3	
10	KT315DE01	Hệ thống kế toán Việt Nam	Vietnamese Financial Accounting	45	3	
11	KT410DE02	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo 2	Auditing and Assurance 2	45	3	
Cộng				540	33	

– Tự chọn bắt buộc (06 tín chỉ):

Chuyên ngành-Kế toán: SV chọn 2 môn (1 môn mã DV và 1 môn mã DE):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT316DV01	Kế toán tài chính 3	Vietnamese Financial Accounting 3	45	3	
2	KT317DV01	Mô phỏng kế toán	Accounting Simulation	60	3	
3	KT402DE01	Kế toán ngân hàng	Bank Accounting	45	3	
4	NT403DE01	Thanh toán quốc tế	International Payment	45	3	
5	TC302DE01	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	45	3	
6	TC304DV02	Quản trị tài chính	Financial Management	45	3	
7	TC404DV01	Thị trường chứng khoán	Securities Market	45	3	
8	TC406DE01	Tín dụng ngân hàng	Bank Lending	45	3	
Cộng				90	6	

Chuyên ngành Kế toán - kiểm toán: SV chọn 2 môn:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT317DE01	Mô phỏng kế toán	Accounting Simulation	60	3	
2	KT402DE01	Kế toán ngân hàng	Bank Accounting	45	3	
3	NT403DE01	Thanh toán quốc tế	International Payment	45	3	
4	TC302DE01	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	45	3	
5	TC404DE01	Thị trường chứng khoán	Securities Market	45	3	
6	TC406DE01	Tín dụng ngân hàng	Bank Lending	45	3	
7	TC304DE02	Quản trị tài chính	Financial Management	45	3	
Cộng				90	6	

– Đề án (02 tín chỉ):

Chuyên ngành Kế toán: SV chọn 01 đề án

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT405DV01	Đề án: Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính	Project: Auditing Process on Financial Reports	0	2	
2	KT409DV02	Đề án: Phân tích báo cáo tài chính	Project: Financial Statement Analysis	0	2	
Cộng				0	2	

Chuyên ngành Kế toán - kiểm toán: SV chọn 01 đề án

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	KT405DE01	Đề án: Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính	Project: Auditing Process on Financial Reports	0	2	
2	KT409DE02	Đề án: Phân tích báo cáo tài chính	Project: Financial Statement Analysis	0	2	
Cộng				0	2	

7.2.3. Tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn học thêm.

8. Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC...

9.2. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

9.3. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Trưởng/Phó Khoa KT&QT

Mam Suot

Ngày 25 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình

mm

ThS. Đỗ Thị Lệ Thu

Trần Nam Quốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện





PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Ngành: KẾ TOÁN (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN-Tiếng Việt)
Bậc: ĐẠI HỌC
Khóa: 2021-2025

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Kế toán được ban hành theo quyết định số... 2643.../QĐ-DHHS của
Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 29/12/20....)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158		
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1	
3	QLAV010DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45		
4	QT101DV01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45		
5	QT106DV02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45		
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45		
Cộng				9	496		

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165		
Cộng				0	165		

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2	
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3	
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45		
4	QT102DV01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	QT101DV01 - Kinh Tế vi Mô	
5	QT115DV01	Luật và đạo đức kinh doanh	Business Laws & Ethics	3	45		
6	Môn tự chọn KHXH 1			3	45		
Cộng				17	390		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4	
Cộng				5	105		

HỌC KỲ 3

Học kỳ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45		
3	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị	
4	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30		
5	TC201DV02	Tài chính tiền tệ	Monetary and Finance	3	45		
6	Môn Tự chọn KHXXH 2			3	45		
7	Giáo dục thể chất 1			1	45		
Cộng				20	360		

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	0	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
Cộng				3	0		

HỌC KỲ 4

học KT 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT211DV03	Kế toán tài chính Việt Nam 1	Vietnamese Financial Accounting 1	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
2	KT212DV02	Thuế	Taxation	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô	
3	TC202DE01	Tài chính Doanh nghiệp	Corporate Finance	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô; AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
4	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
5	KHTQ113DV01	Thống kê trong kinh doanh	Business Statistics	3	45		
6	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	3	45		
7	Giáo dục thể chất 2			1	45		
Cộng				18	300		

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT301DV02	Kế toán quản trị chi phí	Cost Accounting	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
2	KT304DV03	Kế toán tài chính Việt Nam 2	Vietnamese Financial Accounting 2	3	60	KT211DV03_Kế toán tài chính 1	
3	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
4	MIS102DV01	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	3	45		

5	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45		
6	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	3	45		
7	Giáo dục thể chất 3			1	45		
Cộng				18	315		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT302DV01	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
2	KT303DV01	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	45	KT211DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 1	
3	KT309DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	Auditing and Assurance 1	3	45	KT304DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 2 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
4	KT313DE02	Kế toán Quốc tế 1	International Accounting 1 (Intermediate Accounting)	3	60	KT304DV03- Kế toán tài chính Việt Nam 2 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
6	Chọn 1 môn trong 4 môn sau:			3	45		
	KT402DE01	Kế toán ngân hàng	Bank Accounting	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
	NT403DE01	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45	TC201DV02_Tài chính tiền tệ AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	TC302DE01	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	45	KT211DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	TC406DE01	Tín dụng ngân hàng	Bank Lending	3	45	TC202DE01_Tài chính doanh nghiệp AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
Cộng				17	270		

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT307DE01	Phần mềm kế toán	Accounting Software	3	45	KT304DV03- Kế toán tài chính Việt Nam 2 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	KT407DV04	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	3	45	KT309DE02_Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	

3	KT408DE02	Kế toán quốc tế 2	International Accounting 2 (Intermediate Accounting)	3	45	KT313DE02_Kế toán quốc tế 1	
4	NS207DV02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106DV02_Quản trị học	
5	Chọn 1 trong 4 môn sau:			3	45		
	KT316DV01	Kế toán tài chính 3	Vietnamese Financial Accounting 3	3	45	KT304DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 2	
	KT317DV01	Mô phỏng kế toán	Accounting Simulation	3	60	KT211DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 1	
	TC304DV02	Quản trị tài chính	Financial Management	3	45	TC202DE01_Tài chính doanh nghiệp	
	TC404DV01	Thị trường chứng khoán	Securities Market	3	45	TC202DE01_Tài chính doanh nghiệp	
6	SV chọn 1 trong 2 đề án sau:			2	0		
	KT405DV01	Đề án: Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính.	Project: Auditing Process on Financial Reports	2	0	KT309DE02_Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	
	KT409DV02	Đề án: Phân tích báo cáo tài chính	Project: Financial Statement Analysis	2	0	KT304DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 2 □	
Cộng				17	225		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	KT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTIN	
2	KT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTIN	
Cộng				9	0		

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ hè

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổng số tín chỉ tích lũy: 130

- Số tín chỉ GDTC: 3

Ngày 25 tháng 11 năm 2020

Điều phối chương trình

ĐO THỊ LỆ THU



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Ngành: **KẾ TOÁN (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN-Tiếng Anh)**
Bậc: **ĐẠI HỌC**
Khóa: **2021-2025**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Kế toán được ban hành theo quyết định số...2643.../QĐ-DHHS của
Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày...29/11/2020...)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158		
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1	
3	GLA0101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45		
4	QT101DV01	Kinh tế Vi mô	Microeconomics	3	45		
5	QT106DV02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45		
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45		
Cộng				9	496		

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165		
Cộng				0	165		

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

Học kỳ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2	
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3	
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45		
4	QT102DV01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	QT101DV01 - Kinh Tế Vi Mô	
5	QT115DV01	Luật và đạo đức kinh doanh	Business Laws & Ethics	3	45		
6	Môn tự chọn KHXH 1			3	45		
Cộng				17	390		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4	
Cộng				5	105		

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45		
3	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị	
4	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30		
5	TC201DV02	Tài chính tiền tệ	Monetary and Finance	3	45		
6	Môn Tự chọn KHXH 2			3	45		
7	Giáo dục thể chất 1			1	45		
Cộng				20	360		

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	0	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
Cộng				3	0		

HỌC KỲ 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT210DE01	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1 (Intermediate Accounting 1)	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
2	KT212DE01	Thuế	Taxation	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
3	TC202DE01	Tài chính Doanh nghiệp	Corporate Finance	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
4	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
5	KHTQ113DV01	Thống kê trong kinh doanh	Business Statistics	3	45		
6	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	3	45		
7	Giáo dục thể chất 2			1	45		
Cộng				18	300		

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 5

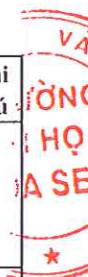
STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT305DE02	Thông tin chi phí ra quyết định	Cost Information for Decision Making	3	60	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	

2	KT308DE02	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2 (Intermediate Accounting 2)	3	60	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
3	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
4	MIS102DV01	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	3	45		
5	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45		
6	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	3	45		
7	Giáo dục thể chất 3			1	45		
Cộng				18	330		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT303DE01	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	45	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	KT309DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	Auditing and Assurance 1	3	45	KT308DE02_Kế toán tài chính 2 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế	
3	KT310DE01	Kế toán quản trị và ra quyết định 1	Management Accounting and Decisions 1	3	45	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
4	KT315DE01	Hệ thống kế toán Việt Nam	Vietnamese Financial Accounting	3	60	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
6	Chọn 1 môn trong 04 môn sau:			3	45		
	KT317DE01	Mô phỏng kế toán	Accounting Simulation	3	60	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	KT402DE01	Kế toán ngân hàng	Bank Accounting	3	45	KT204DV02_Nguyên lý kế toán	
	NT403DE01	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45	TC201DV02_Tài chính tiền tệ AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	



	TC302DE01	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	45	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
Cộng				17	270		

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	KT307DE01	Phần mềm kế toán	Accounting Software	3	45	KT308DE02_Kế toán tài chính 2 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế	
2	KT314DE01	Kế toán quản trị và ra quyết định 2	Management Accounting and Decisions 2	3	45	KT310DE01_Kế toán Quản trị và ra Quyết định 1 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
3	KT410DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 2	Auditing and Assurance 2	3	45	KT309DE02_Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1 AV211DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 6	
4	NS207DV02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106DV02_Quản trị học	
5	Chọn 1 môn trong các môn sau:			3	45		
	TC404DE01	Thị trường chứng khoán	Securities Market	3	45	TC202DE01_Tài chính doanh nghiệp AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	TC406DE01	Tín dụng ngân hàng	Bank Lending	3	45	TC202DE01_Tài chính doanh nghiệp AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	TC304DE02	Quản trị tài chính	Financial Management	3	60	KT210DE02_Kế toán tài chính 1 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
6	Chọn 1 trong 2 đề án sau:			2	0		
	KT405DE01	Đề án: Quy trình Kiểm toán Báo cáo Tài chính	Project: Auditing Process on Financial Reports	2	0	KT309DE02_Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo 1 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
	KT409DE02	Đề án: Phân tích Báo cáo Tài chính	Project: Financial Statement Analysis	2	0	KT308DE_Kế toán tài chính 2 AV210DV01_ Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
Cộng				17	225		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	KT450DE01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
2	KT451DE01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
Tổng cộng				9			

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ hè

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổng số tín chỉ:

130

- Số tín chỉ GDTC:

3

Ngày 25 tháng 11 năm 2020

Điều phối chương trình



ĐỖ THỊ LỆ THU

